

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	12 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty (sau đây gọi tắt là “Báo cáo tài chính”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 từ trang 07 đến trang 44 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên	
Ông Tôn Thất Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Kế	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/03/2020

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng ban
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Thành Viên
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành Viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/4/2020
Ông Thái Tuấn Tài	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/4/2020
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trí Trinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Bình	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2020 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Phạm Hoàng Vinh.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 21/04/2020 là Ông Thái Tuấn Tài, trong giai đoạn từ ngày 22/04/2020 đến ngày 31/12/2020 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh (UHY).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin cụ thể như sau:

- Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Từ ngày 01/01/2021, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,




Nguyễn Như Hoàng Tuấn

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 được lập tại ngày 03/03/2021, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục số 35.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp: Trong năm 2020, liên quan đến gói thầu khảo sát thiết kế của Dự án Thủy điện Sông Bung 2, các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty CP Bảo hiểm Hàng Không) đã nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các nhà thầu tư vấn có liên quan đến sự cố tại hầm dẫn dòng công trình thủy điện Sông Bung 2 năm 2016 gồm Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 3 (PECC3), Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh (KHIDI) và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2) phải liên đới bồi hoàn số tiền các Công ty Bảo hiểm yêu cầu bồi thường là 6.516.225.000 đồng. Đơn khởi kiện không nêu chi tiết rõ số tiền đòi bồi hoàn của từng nhà thầu tư vấn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã gửi Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 22/9/2020 nêu sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI & PECC3, do vậy PECC3 không phải chịu trách nhiệm đối với một sản phẩm không phải là thiết kế của KHIDI & PECC3. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về lịch hòa giải và xét xử. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm những ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến kết quả vụ kiện nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 26/02/2020.

Vấn đề cần nhấn mạnh và vấn đề khác nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY – CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1828-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		202.306.935.898	236.791.822.472
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	73.721.708.136	93.001.091.226
Tiền	111		49.721.708.136	41.001.091.226
Các khoản tương đương tiền	112		24.000.000.000	52.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	220.790.000	220.790.000
Chứng khoán kinh doanh	121		220.790.000	220.790.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107.741.937.407	123.671.770.233
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	117.899.150.431	129.597.447.342
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.907.731.862	2.041.291.800
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.931.805.891	6.894.756.577
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(14.996.750.777)	(14.861.725.486)
Hàng tồn kho	140	10	19.923.494.425	19.733.301.032
Hàng tồn kho	141		19.923.494.425	19.733.301.032
Tài sản ngắn hạn khác	150		699.005.930	164.869.981
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	699.005.930	164.869.981
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		116.572.921.217	76.542.595.773
Các khoản phải thu dài hạn	210		54.253.398.451	23.427.599.485
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	53.736.398.451	23.274.599.485
Phải thu dài hạn khác	216	8	517.000.000	153.000.000
Tài sản cố định	220		27.623.364.815	31.312.151.863
Tài sản cố định hữu hình	221	12	17.536.908.905	19.470.573.019
- Nguyên giá	222		56.429.519.365	52.234.120.222
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.892.610.460)	(32.763.547.203)
Tài sản cố định vô hình	227	13	10.086.455.910	11.841.578.844
- Nguyên giá	228		20.850.196.776	19.816.984.776
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.763.740.866)	(7.975.405.932)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	29.991.916.461	18.985.855.750
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		31.130.855.750	19.930.855.750
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.138.939.289)	(945.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		4.704.241.490	2.816.988.675
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4.548.944.138	2.816.988.675
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	155.297.352	-
TỔNG TÀI SẢN	270		318.879.857.115	313.334.418.245

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		203.224.617.494	204.881.794.569
Nợ ngắn hạn	310		203.224.617.494	204.881.794.569
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	17.929.392.843	5.195.259.950
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		42.692.523.840	39.409.360.439
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.263.963.006	16.681.681.597
Phải trả người lao động	314		108.842.637.495	109.230.393.386
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.051.077.384	6.041.072.280
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	22.622.589.819	16.672.857.234
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	-	10.696.036.576
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.822.433.107	955.133.107
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		115.655.239.621	108.452.623.676
Vốn chủ sở hữu	410	20	115.655.239.621	108.452.623.676
Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.760.800.000	82.760.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.760.800.000	82.760.800.000
Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		13.186.000.000	7.827.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.708.579.621	17.864.963.676
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		88.684.476	946.050.703
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		19.619.895.145	16.918.912.973
TỔNG NGUỒN VỐN	440		318.879.857.115	313.334.418.245



Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	408.938.167.809	388.748.715.204
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	5.238.016.187	965.430.425
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	10		403.700.151.622	387.783.284.779
Giá vốn hàng bán	11	24	300.478.995.498	274.088.901.741
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.221.156.124	113.694.383.038
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.173.673.985	3.822.213.481
Chi phí tài chính	22	26	396.981.851	548.213.978
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	27	29.245.151.037	25.149.364.048
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	53.989.911.954	67.184.554.672
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.762.785.267	24.634.463.821
Thu nhập khác	31	28	1.329.395.431	454.590.909
Chi phí khác	32	29	740.557.787	2.076.995.882
Lợi nhuận khác	40		588.837.644	(1.622.404.973)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.351.622.911	23.012.058.848
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	4.887.025.118	6.093.145.875
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(155.297.352)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.619.895.145	16.918.912.973
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.056	1.744
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	2.056	1.744



Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		24.351.622.911	23.012.058.848
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.974.600.191	4.908.116.820
Các khoản dự phòng	03		328.964.580	2.781.393.981
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		183.265.845	110.947.545
Lãi hoạt động đầu tư	05		(4.227.447.695)	(3.681.645.834)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.611.005.832	27.130.871.360
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(15.194.177.542)	(24.427.466.584)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(190.193.393)	8.381.256.188
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		10.100.183.010	16.117.300.136
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(2.266.091.412)	26.893.252
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.545.136.903)	(6.213.310.942)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.622.700.000)	(2.402.570.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.896.889.592	18.612.973.410
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.718.886.467)	(6.974.562.607)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		115.454.545	50.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.200.000.000)	(258.423.750)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.275.179.261	3.524.243.056
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.528.252.661)	(3.658.743.301)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		14.869.592.768	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(25.565.629.344)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.768.717.600)	(8.223.319.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.464.754.176)	(8.223.319.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(19.096.117.245)	6.730.910.209
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	93.001.091.226	86.295.430.029
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(183.265.845)	(25.249.012)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	73.721.708.136	93.001.091.226



Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên tiếng Anh là Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3, viết tắt là PECC3, được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3, doanh nghiệp nhà nước thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0301475102, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22/04/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 là 82.760.800.000 đồng, chia thành 8.276.080 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 01 tháng 12 năm 2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là: TV3.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ xây dựng công trình điện và công trình dân dụng.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng;
- Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính;
- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt); dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập tổng dự toán công trình, Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

- Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thẩm tra thiết kế công trình;
- Tư vấn lập hồ sơ: đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu-đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)/.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình xây dựng điện. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thông thường phụ thuộc theo tiến độ chung của dự án, các công trình có thể kéo dài trong 1 năm hoặc hơn.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình xây dựng điện.

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Công ty trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam, theo đó, số lượng khách hàng phụ thuộc vào chất lượng và trình độ của các kỹ sư nhằm giúp tăng năng lực cạnh tranh so với các công ty trong cùng ngành. Bên cạnh đó, vấn đề về đầu tư phát triển mở rộng và nâng cấp các công trình điện cũng như việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Công ty có các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
-Chi Nhánh Miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, xã Vĩnh Hiệp, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư Vấn, khảo sát thiết kế
-Xí nghiệp Khảo Sát và Xây dựng Điện	32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tư Vấn, khảo sát thiết kế

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 KỶ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) và Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Công ty trích lập dự phòng đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (đến 12 tháng hay trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ theo Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi và được phân loại trên bảng cân đối kế toán theo thời hạn thanh toán ước tính, phụ thuộc vào thời điểm phê duyệt kỹ thuật hồ sơ thiết kế.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư số 28/2017/TT-TC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư số 147.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)**

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Từ năm 2020, Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh không quá 02 lần mức khấu hao theo phương pháp đường thẳng đối với các tài sản cố định là Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị, dụng cụ quản lý của Công ty. Theo đó, chi phí khấu hao trong năm 2020 tăng thêm so với khi không khấu hao nhanh là 4.566.821.275 đồng.

4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và phần mềm máy vi tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao. Phần mềm quản lý được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí chênh lệch khi xác định giá trị doanh nghiệp, chi phí phần mềm máy tính,...các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

4.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

4.11 NGOẠI TỆ

Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong các giao dịch kế toán là tỷ giá của các Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn và Ngân hàng TMCP An Bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.11 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối kỳ kế toán được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối kỳ kế toán. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.13 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và trích trước theo đúng kỳ kế toán.

Việc ước tính khối lượng công việc làm cơ sở ghi nhận doanh thu căn cứ vào biên bản nghiệm thu, quyết toán từng đợt với Chủ đầu tư, Giám sát công trình. Do đó, giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế được kết chuyển theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành tương ứng với doanh thu đã ghi nhận.

4.14 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn khảo sát thiết kế, theo đó, toàn bộ doanh thu phát sinh trong năm của Công ty là doanh thu liên quan đến hoạt động này. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Phần lớn hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các Công ty trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	152.748.617	456.828.097
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.568.959.519	40.544.263.129
Các khoản tương đương tiền (*)	24.000.000.000	52.000.000.000
Cộng	73.721.708.136	93.001.091.226

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2020			Tại 01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a) Chứng khoán kinh doanh	220.790.000	1.056.904.200	-	220.790.000	1.012.195.800	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung (1)	220.790.000	1.056.904.200	-	220.790.000	1.012.195.800	-
	Tại 31/12/2020			Tại 01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31.130.855.750	30.054.916.461	(1.138.939.289)	19.930.855.750	18.985.855.750	(945.000.000)
- Đầu tư vào đơn vị khác	31.130.855.750	30.054.916.461	(1.138.939.289)	19.930.855.750	18.985.855.750	(945.000.000)
+ Đầu tư vào Công ty CP EVN Quốc Tế (2)	3.150.000.000	3.213.000.000	-	3.150.000.000	2.205.000.000	(945.000.000)
+ Đầu tư vào Công ty CP Phong Điện Thuận Bình (3)	27.500.000.000	26.597.759.587	(902.240.413)	16.300.000.000	16.300.000.000	-
+ Công ty TNHH Điện gió Sunpro Bến Tre số 8 (4)	480.855.750	244.156.874	(236.698.876)	480.855.750	480.855.750	-

(1) Là khoản đầu tư vào cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE với số lượng là 53.379 cổ phiếu. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2020.

(2) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế với số lượng cổ phiếu sở hữu là 315.000 cổ phiếu và tỷ lệ góp là 0,86% vốn điều lệ.

(3) Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có vốn điều lệ 240 tỷ đồng, Công ty sẽ góp 10% vốn điều lệ. Vốn góp vào Công ty CP Phong Điện Thuận Bình được góp theo từng đợt. Đến ngày 31/12/2020, Công ty đã góp 27,5 tỷ đồng trong tổng số vốn các bên đã góp là 268 tỷ đồng, tương đương 10,26%.

(4) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH Điện gió Sunpro - Bến Tre số 8, theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 06/06/2018 với tổng vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng, trong đó Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3 góp 2.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 10%, phần còn lại 90% là Sunpro Capital Group Limited. Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2020 để xác định giá trị của khoản đầu tư này. Giá trị khoản đầu tư này đang được xác định lại căn cứ theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020 đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	117.899.150.431	129.597.447.342
- Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	5.100.415.846
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	24.823.707.819	27.917.447.401
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	2.683.335.381	15.098.553.050
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	11.612.788.762	10.191.898.008
- Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	1.489.600.000	5.439.104.002
- Ban QLDA nhiệt điện 2	2.418.828.407	2.418.828.407
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	2.519.009.886	3.423.920.444
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	6.254.124.192	16.561.649.447
- Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	15.239.712.459	8.537.490.337
- Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG	1.607.258.998	1.130.302.320
- Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	5.506.445.173	1.946.612.149
- Công ty TNHH Điện Xêkhaman 1	-	2.600.450.894
- Công ty CP Đầu tư và LĐTĐ NM Thủy điện Đa Dâng	-	1.024.000.000
- Công ty TNHH Điện Xêkaman 3	35.595.884	1.911.636.552
- BDH DA TĐ Đồng Nai 5	-	1.280.541.000
- Công ty CP Khai thác Thủy điện Sông Giang	-	1.100.083.384
- Công ty Truyền tải điện 3	841.345.819	1.100.296.677
- Công ty Phát triển thủy điện Sê San	505.599.160	505.599.160
- Công ty TNHH Hải Linh	-	4.389.500.000
- Công ty CP Điện KCN Vĩnh Lộc	-	1.198.619.859
- Các khoản phải thu khách hàng khác	37.261.382.645	16.720.498.405
Phải thu của khách hàng dài hạn	53.736.398.451	23.274.599.485
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	9.437.755.393	3.050.343.604
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	8.619.657.416	6.673.222.408
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	4.624.999.470	2.714.122.615
- Ban QLDA thủy điện 1	1.244.364.245	1.244.364.245
- Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	1.097.581.625	-
- Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	4.520.446.720	-
- Công ty CP Điện KCN Vĩnh Lộc	11.364.933.050	-
- Công ty TNHH Điện Xêkaman 3	429.821.173	-
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	4.591.334.171	1.499.881.268
- Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	1.555.878.980	1.748.428.980
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.249.626.208	6.344.236.365
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	131.127.488.451	119.570.615.032

(Chi tiết tại thuyết minh số 35.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.931.805.891	-	6.894.756.577	-
- Tạm ứng cho nhân viên	2.441.870.145	-	1.183.171.061	-
- Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.207.810.037	-
- Bảo hiểm xã hội	196.313.460	-	225.885.547	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.206.461	-	8.574.227	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	38.388.889	-	201.575.000	-
- Phải thu tiền thanh lý TSCD và CCDC	17.500.000	-	-	-
- Phải thu Công trình TBA 220kV Lao Bảo & đđ 220kV Đông Hà	135.657.000	-	-	-
- Lao Bảo				
- Phải thu ngắn hạn khác	85.869.936	-	67.740.705	-
Dài hạn	517.000.000	-	153.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	517.000.000	-	153.000.000	-
Cộng	3.448.805.891	-	7.047.756.577	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Tại 31/12/2020			Tại 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đã trích lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đã trích lập dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
+ Ban QLDA Nhiệt điện 2	2.418.828.407	-	(2.418.828.407)	2.418.828.407	725.648.522	(1.693.179.885)
+ Công ty Cổ phần Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	-	(5.100.415.846)	5.100.415.846	-	(5.100.415.846)
+ Ban QLDA Điện lực Miền Nam	3.446.377.257	2.412.464.080	(1.033.913.177)	224.754.656	157.328.259	(67.426.397)
+ Công ty TNHH điện Xêkhaman 1	-	-	-	2.600.450.894	1.300.225.447	(1.300.225.447)
+ Công ty Cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang	-	-	-	1.100.083.384	296.378.400	(803.704.984)
+ Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	479.128.000	-	(479.128.000)	479.128.000	-	(479.128.000)
+ Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum	572.105.250	-	(572.105.250)	572.105.250	-	(572.105.250)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha	1.391.554.962	531.884.348	(859.670.614)	570.104.962	285.052.481	(285.052.481)
+ Khác	6.167.833.563	1.635.144.080	(4.532.689.483)	8.930.934.746	4.370.447.550	(4.560.487.196)
Cộng	19.576.243.285	4.579.492.508	(14.996.750.777)	21.996.806.145	7.135.080.659	(14.861.725.486)

10. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	178.246.065	-	149.783.527	-
Công cụ, dụng cụ	4.027.268	-	4.858.815	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.741.221.092	-	19.578.658.690	-
Cộng	19.923.494.425	-	19.733.301.032	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	699.005.930	164.869.981
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	181.048.898	116.811.798
- Chi phí phần mềm	517.957.032	48.058.183
Dài hạn	4.548.944.138	2.816.988.675
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.868.458.759	2.199.667.924
- Chi phí phần mềm máy tính chờ phân bổ	1.680.485.379	617.320.751
Cộng	5.247.950.068	2.981.858.656

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2020	13.196.031.024	16.889.798.530	16.908.331.426	5.239.959.242	52.234.120.222
- Mua trong năm	-	1.336.006.573	1.109.600.000	2.806.994.570	5.252.601.143
- Thanh lý, nhượng bán	-	(532.715.000)	(491.787.000)	(32.700.000)	(1.057.202.000)
Tại 31/12/2020	<u>13.196.031.024</u>	<u>17.693.090.103</u>	<u>17.526.144.426</u>	<u>8.014.253.812</u>	<u>56.429.519.365</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2020	(6.768.041.457)	(10.653.186.198)	(11.324.850.050)	(4.017.469.498)	(32.763.547.203)
- Khấu hao trong năm	(1.552.973.520)	(2.016.230.063)	(2.148.290.951)	(1.468.770.723)	(7.186.265.257)
- Thanh lý, nhượng bán	-	532.715.000	491.787.000	32.700.000	1.057.202.000
Tại 31/12/2020	<u>(8.321.014.977)</u>	<u>(12.136.701.261)</u>	<u>(12.981.354.001)</u>	<u>(5.453.540.221)</u>	<u>(38.892.610.460)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2020	<u>6.427.989.567</u>	<u>6.236.612.332</u>	<u>5.583.481.376</u>	<u>1.222.489.744</u>	<u>19.470.573.019</u>
Tại 31/12/2020	<u>4.875.016.047</u>	<u>5.556.388.842</u>	<u>4.544.790.425</u>	<u>2.560.713.591</u>	<u>17.536.908.905</u>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 18.722.012.291 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2020	10.706.370.572	9.110.614.204	19.816.984.776
- Mua trong năm	-	1.033.212.000	1.033.212.000
Tại 31/12/2020	<u>10.706.370.572</u>	<u>10.143.826.204</u>	<u>20.850.196.776</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2020	(1.645.575.597)	(6.329.830.335)	(7.975.405.932)
- Khấu hao trong năm	(198.171.480)	(2.590.163.454)	(2.788.334.934)
Tại 31/12/2020	<u>(1.843.747.077)</u>	<u>(8.919.993.789)</u>	<u>(10.763.740.866)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2020	<u>9.060.794.975</u>	<u>2.780.783.869</u>	<u>11.841.578.844</u>
Tại 31/12/2020	<u>8.862.623.495</u>	<u>1.223.832.415</u>	<u>10.086.455.910</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 5.931.058.470 đồng.

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại quận 2 - Thửa đất số 143 theo Hợp đồng thế chấp số 36/2006/95234 ngày 15/12/2006 với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 là 2.796.957.135 đồng nhằm bảo lãnh thanh toán cho các dự án.

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí khấu hao	155.297.352	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>155.297.352</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	17.929.392.843	17.929.392.843	5.195.259.950	5.195.259.950
- Công ty CP Thiết bị Điện Sài Gòn	9.106.510.206	9.106.510.206	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cholimex	884.198.893	884.198.893	-	-
- Công ty CP Cơ Điện Đại Dũng	903.420.611	903.420.611	-	-
- Công ty TNHH Đầu Tư SX-TM-DV Nam Lập Phát	425.542.559	425.542.559	-	-
- Công ty TNHH TM Lắp Đặt PCCC Tân Lập	707.262.403	707.262.403	-	-
- Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	814.000.000	814.000.000	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn TKXD Giao Thông Nam Bộ	279.868.577	279.868.577	-	-
- Công ty CP XD & Lắp Máy Trung Nam	657.900.000	657.900.000	-	-
- Công ty TNHH TMDV Nam Việt	535.167.506	535.167.506	367.356.000	367.356.000
- Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	319.959.153	319.959.153	384.319.234	384.319.234
- Cty CP Thiết kế - Tư vấn XD Cần Thơ	164.203.373	164.203.373	164.203.373	164.203.373
- Công ty TNHH Kỹ thuật điện Phương Nam	139.814.500	139.814.500	139.814.500	139.814.500
- Công ty CP Tư vấn XD thủy lợi - thủy điện Sơn Việt	170.000.000	170.000.000	136.000.000	136.000.000
- Viện Thủy Công	-	-	185.368.235	185.368.235
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 5	108.389.600	108.389.600	231.778.800	231.778.800
- Phải trả nhà cung cấp khác	2.713.155.462	2.713.155.462	3.586.419.808	3.586.419.808
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 35.1)	1.133.959.153	1.133.959.153	384.319.234	384.319.234

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	12.261.642.340	23.374.246.189	32.598.350.823	3.037.537.706
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.612.320.295	4.887.025.118	6.545.136.903	954.208.510
- Thuế thu nhập cá nhân	1.807.718.962	10.130.194.939	11.764.773.506	173.140.395
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.791.415	5.791.415	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	229.825.600	229.825.600	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	99.099.008	22.613	99.076.395
Cộng	16.681.681.597	38.726.182.269	51.143.900.860	4.263.963.006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.051.077.384	6.041.072.280
- Trích chi phí cho các dự án, công trình	5.051.077.384	6.041.072.280
b) Dài hạn	-	-
Cộng	5.051.077.384	6.041.072.280

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	22.622.589.819	16.672.857.234
- Kinh phí công đoàn	370.150.980	124.892.640
- Bảo hiểm y tế	97.720.373	94.151.961
- Bảo hiểm thất nghiệp	397.424	967.156
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	824.739.275	662.177.675
- Phải trả CBCNV về hoàn tạm ứng chi phí	210.825.190	1.012.411.455
- Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN của CBCNV	13.538.416.285	8.975.465.649
- Chi phí công trình phải trả	7.063.384.052	5.378.134.480
- Phải trả thuế TNCN dự án TĐ Xekaman 1	147.602.436	147.602.436
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	369.353.804	277.053.782
b) Dài hạn	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	22.622.589.819	16.672.857.234

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Giá trị	Tại 31/12/2020		Trong năm		Tại 01/01/2020	
		Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	-	-	14.869.592.768	25.565.629.344	10.696.036.576	10.696.036.576	
- Vay cán bộ công nhân viên các phòng ban	-	-	14.869.592.768	25.565.629.344	10.696.036.576	10.696.036.576	
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-	
	-	-	14.869.592.768	25.565.629.344	10.696.036.576	10.696.036.576	

Đây là khoản Công ty đã vay lại lương khoán đã được duyệt chi của năm 2019 từ các phòng ban Công ty. Công ty và các phòng ban Công ty đã ký các Biên bản thỏa thuận về việc sẽ cho Công ty vay tín chấp số tiền lương khoán năm 2019 còn phải trả với lãi suất cho vay là 0% và thời hạn trả vay đến ngày 31 tháng 03 năm 2021. Tại 31/12/2020 số dư khoản vay này đã tất toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****20.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/04/2020 là 82.760.800.000 đồng, chia thành 8.276.080 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tình hình góp vốn của các cổ đông như sau:

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tập đoàn điện lực Việt Nam	48,78%	40.371.340.000	48,78%	40.371.340.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	7,69%	6.362.490.000	7,80%	6.453.490.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	4,98%	4.123.000.000	0,00%	-
Cty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	4,79%	3.966.570.000	0,00%	-
Ông Trần Quốc Điền	0,00%	-	6,13%	5.072.290.000
Cổ đông khác	33,76%	27.937.260.000	37,29%	30.863.540.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	140.000	0,00%	140.000
Cộng	100%	82.760.800.000	100%	82.760.800.000

20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.760.800.000	82.760.800.000
+ Vốn góp đầu năm	82.760.800.000	82.760.800.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	82.760.800.000	82.760.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.931.279.200	8.276.066.000

20.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2020 Cổ phiếu	Tại 01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.276.080	8.276.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.276.080	8.276.080
+ Cổ phiếu phổ thông	8.276.080	8.276.080
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	14	14
+ Cổ phiếu phổ thông	14	14
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.276.066	8.276.066
+ Cổ phiếu phổ thông	8.276.066	8.276.066
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2019	82.760.800.000	-	(140.000)	3.490.000.000	15.505.116.703	101.755.776.703
- Lãi trong năm	-	-	-	-	16.918.912.973	16.918.912.973
- Cổ tức đã công bố năm 2018	-	-	-	-	(8.276.066.000)	(8.276.066.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2018	-	-	-	4.337.000.000	(4.337.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành năm 2018	-	-	-	-	(1.946.000.000)	(1.946.000.000)
Tại 31/12/2019	82.760.800.000	-	(140.000)	7.827.000.000	17.864.963.676	108.452.623.676
Tại 01/01/2020	82.760.800.000	-	(140.000)	7.827.000.000	17.864.963.676	108.452.623.676
- Lãi trong năm	-	-	-	-	19.619.895.145	19.619.895.145
- Cổ tức đã công bố năm 2019 (*)	-	-	-	-	(9.931.279.200)	(9.931.279.200)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2019 (*)	-	-	-	5.359.000.000	(5.359.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành năm 2019 (*)	-	-	-	-	(2.486.000.000)	(2.486.000.000)
Tại 31/12/2020	82.760.800.000	-	(140.000)	13.186.000.000	19.708.579.621	115.655.239.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2020 số 0055/NQ-TVĐ3 ngày 27 tháng 03 năm 2020, Công ty thực hiện trích lập các quỹ, chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 12%.

20.5 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.186.000.000	7.827.000.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
- Đồng Đô la Mỹ (USD)	1.324.160,81	713.661,65
- Đồng Euro (EUR)	3.410,74	4.072,18

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
a) Doanh thu	408.938.167.809	388.748.715.204
- Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	408.938.167.809	388.748.715.204
b) Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 35.1)	237.141.844.420	304.814.580.641

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.238.016.187	965.430.425
Trong đó:		
+ Giảm giá hàng bán	5.238.016.187	965.430.425

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế	300.478.995.498	274.088.901.741
Cộng	<u>300.478.995.498</u>	<u>274.088.901.741</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.522.135.150	1.926.288.134
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.589.858.000	1.705.357.700
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	61.680.835	190.567.647
Cộng	4.173.673.985	3.822.213.481

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	19.776.717	59.266.434
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	183.265.845	110.947.544
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	193.939.289	378.000.000
Cộng	396.981.851	548.213.978

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	53.989.911.954	67.184.554.672
- Chi phí nhân viên quản lý	23.652.378.382	32.070.328.167
- Chi phí vật liệu quản lý	985.032.284	1.052.688.210
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.940.770.902	1.285.284.591
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.407.663.545	1.725.277.292
- Thuế, phí và lệ phí	6.791.415	5.999.104
- Chi phí dự phòng	135.025.291	2.403.393.981
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.136.313.315	13.678.125.892
- Chi phí bằng tiền khác	13.725.936.820	14.963.457.435
b. Các khoản chi phí bán hàng	29.245.151.037	25.149.364.048
- Chi phí lương cán bộ nhân viên	6.141.694.607	4.700.942.979
- Chi phí đồ dùng văn phòng	243.676.027	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.037.262.988	-
- Chi phí bán hàng khác	6.822.517.415	20.448.421.069
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	115.454.545	50.000.000
Lãi thanh lý công cụ dụng cụ	42.681.815	43.227.269
Hoàn nhập chi phí đã trích trước	675.577.263	-
Thu từ tiền cho thuê nhà	251.125.000	245.000.000
Thu nhập từ tiền cho thuê xe	244.545.455	-
Thu nhập khác	11.353	116.363.640
Cộng	1.329.395.431	454.590.909

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Phạt bồi thường thiệt hại	-	1.298.466.986
Phạt vi phạm hành chính	-	229.488.660
Chi phí truy thu thuế, phạt chậm nộp thuế	253.766.223	343.667.705
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	476.018.536	85.372.430
Chi tài trợ giáo dục	-	120.000.101
Chi phí khác	10.773.028	-
Cộng	740.557.787	2.076.995.882

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.351.622.911	23.012.058.848
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	1.634.797.320	6.910.668.047
- Thù lao Hội đồng Quản trị	126.000.000	60.000.000
- Tiền phạt thuế và hóa đơn	496.918.304	573.156.365
- Lỗ do đánh giá lại tỷ giá cuối năm nay	183.265.845	110.947.544
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ năm trước	-	102.133.218
- Chi phí khấu hao không được trừ	776.486.760	-
- Trích lập dự phòng không có đối chiếu	-	5.944.430.920
- Chi phí không được trừ	52.126.411	120.000.000
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	(3.376.382.807)	(4.220.419.693)
- Lợi nhuận cổ tức được chia	(2.589.858.000)	(1.705.357.700)
- Giảm chi phí trích lập DP theo BBKT Thuế năm 2018	-	(2.515.061.993)
- Giảm phân chi phí trích trước của XNKS không chi hết đã tính vào TNCT 2019	(675.577.263)	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm trước	(110.947.544)	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	22.610.037.424	25.702.307.202
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.522.007.485	5.140.461.440
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	365.017.633	952.684.435
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.887.025.118	6.093.145.875

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(155.297.352)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(155.297.352)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	19.619.895.145	16.918.912.973
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.607.484.065)	(2.486.000.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	8.276.066	8.276.066
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.056	1.744

(*) Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi theo giá trị tạm tính là 10% lợi nhuận sau thuế với số tiền là 1.691.891.297 đồng. Trong năm 2020, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2020 số 0055/NQ-TVĐ3 ngày 27 tháng 03 năm 2020, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2019 với giá trị là 1.786.000.000 đồng và quỹ thưởng Ban điều hành là 700.000.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2019 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Ngoài ra, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2020 là số tạm tính trên cơ sở 10% lợi nhuận sau thuế năm 2020 và quỹ thưởng Ban điều hành là 3,29% lợi nhuận sau thuế, căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 0055/NQ-TVĐ3 ngày 27 tháng 03 năm 2020.

33. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	19.619.895.145	16.918.912.973
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.607.484.065)	(2.486.000.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	8.276.066	8.276.066
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	2.056	1.744

(*) Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi theo giá trị tạm tính là 10% lợi nhuận sau thuế với số tiền là 1.691.891.297 đồng. Trong năm 2020, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2020 số 0055/NQ-TVĐ3 ngày 27 tháng 03 năm 2020, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2019 với giá trị là 1.786.000.000 đồng và quỹ thưởng Ban điều hành là 700.000.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2019 khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Ngoài ra, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2020 là số tạm tính trên cơ sở 10% lợi nhuận sau thuế năm 2020 và quỹ thưởng Ban điều hành là 3,29% lợi nhuận sau thuế, căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 0055/NQ-TVĐ3 ngày 27 tháng 03 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	8.569.843.489	3.370.035.425
Chi phí nhân công	184.170.847.168	212.742.994.170
Khấu hao tài sản cố định	9.974.600.191	4.908.116.820
Chi phí dự phòng	135.025.291	2.403.393.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.713.497.290	18.160.037.047
Chi phí bằng tiền khác	49.312.807.462	116.456.986.830
Cộng	383.876.620.891	358.041.564.273

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

35.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu với các bên liên quan	237.141.844.420	304.814.580.641
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	69.560.767.096	78.341.102.129
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	22.903.371.960	40.206.930.886
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	18.969.838.436	38.981.080.070
- Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	17.666.100.552	9.216.954.547
- CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - CtyTTĐ4	-	1.747.885.989
- Ban QLDA nhiệt điện 3	2.095.715.037	540.086.833
- Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	15.232.803.404	4.045.426.126
- Công ty Thủy điện Trị An	1.342.580.000	925.300.000
- Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	923.782.406	-
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mí	5.476.195.838	9.318.304.769
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	-	2.339.512.094
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	1.682.914.787	1.318.156.910
- Trung tâm điều độ HTĐ Quốc Gia	-	317.629.222
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	20.444.207.717	8.493.483.615
- Ban QLDA TTĐL Ô Môn - Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	711.068.872	358.915.213
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	11.988.451.747	63.588.416.640
- Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	11.716.944.664	11.316.122.739
- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	4.800.058.897	2.076.034.567
- Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	1.546.000.000	-
- Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (Genco 3)	422.614.308	1.600.282.126
- Công ty thủy điện Đại Ninh	-	1.714.693.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Doanh thu với các bên liên quan (tiếp)		
- Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	586.252.514	116.856.877
- Công ty thủy điện Đồng Nai	1.782.400.000	-
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	679.727.273	-
- Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	831.081.520	16.425.468.910
- Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	423.272.727	-
- Ban QLDA Lưới điện miền Nam	3.200.212.800	249.864.441
- Ban Quản lý dự án Điện 3	2.345.000.000	2.764.753.134
- Công ty CP Đầu tư Điện lực 3	469.808.349	-
- Công ty Điện Lực Sài Gòn	33.327.848	19.790.716
- Công ty TNHH MTV NMTĐ Thác Ba	1.440.408.533	-
- Ban Quản lý dự án Điện 2	6.791.112.560	3.373.122.627
- Công ty Nhiệt điện Cần Thơ	375.777.900	405.640.800
- Công ty nhiệt điện Mông Dương	2.355.527.843	-
- Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nah	1.105.368.000	-
- Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPNB)	2.001.150.754	-
- Ban QLDA Điện 1	2.502.999.500	-
- Tổng Công ty Phát Điện 2 - Công ty TNHH MTV	281.046.150	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 3 - CN	873.255.373	246.452.344
- Truyền tải điện Bình Thuận	8.923.500	-
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Sê San 3A	-	728.848.945
- Công ty điện lực Thừa Thiên Huế	35.282.389	-
- Truyền tải điện Gia Lai	170.443.611	12.112.847
- Công ty truyền tải điện 3	1.366.049.555	4.025.350.772
Mua hàng với các bên liên quan	2.644.301.676	2.525.715.022
- Điện lực Sài Gòn	746.119.558	782.427.055
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	130.555.754	1.399.363.753
- Công ty CP Tư vấn XD điện 1	1.027.626.364	343.924.214
- Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	740.000.000	-
Trả cổ tức	5.608.059.600	4.489.119.850
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.844.560.800	3.843.770.850
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt	763.498.800	645.349.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	494.760.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc	5.436.845.725	5.896.774.244
Lương, các khoản thưởng và phúc lợi khác	5.436.845.725	5.896.774.244
	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>131.127.488.451</i>	<i>119.570.615.032</i>
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	34.261.463.212	30.967.791.005
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	11.302.992.797	21.771.775.458
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	16.237.788.232	12.906.020.623
- Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	2.587.181.625	5.439.104.002
- CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - CtyTTĐ4	298.293.280	298.293.280
- Ban QLDA nhiệt điện 3	1.027.171.570	529.346.697
- Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	6.949.438.876	2.468.457.671
- Công ty Thủy điện Trị An	1.476.838.000	1.017.830.000
- Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	1.133.276.021	-
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mí	404.244.508	-
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	136.374.202	1.077.391.126
- Công ty CP Thủy điện miền Trung	70.450.000	70.450.000
- Ban QLDA thủy điện 1	1.244.364.245	1.244.364.245
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	2.332.236.741	725.760.020
- Ban QLDA nhiệt điện 2	2.418.828.407	2.418.828.407
- Trung tâm điều độ HTĐ Quốc Gia	349.392.144	349.392.144
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	7.110.344.057	4.923.801.712
- Công ty CP thủy điện La Ngâu	160.318.500	160.318.500
- Ban QLDA TTĐL Ô Môn - Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	797.287.174	1.027.982.330
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	6.254.124.192	16.836.649.447
- Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	19.760.159.179	8.537.490.337
- Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (Genco 3)	-	776.402.344
- Công ty thủy điện Đại Ninh	-	1.508.930.502
- Ban QLDA lưới điện - Tổng Cty Điện lực	88.833.631	88.833.631

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan (tiếp)

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
<i>Phải thu khách hàng (tiếp)</i>		
- Công ty thủy điện Đồng Nai	1.470.480.000	-
- Công ty DV Điện lực Miền Trung	-	353.487.704
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	74.770.000	-
- Công ty CP Phát triển Điện Lực VN	-	-
- Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	430.518.181	-
- Ban QLDA Lưới điện miền Nam	2.239.023.099	59.083.350
- Ban Quản lý dự án Điện 3	245.384.334	2.406.934.660
- Công ty Điện Lực Sài Gòn	8.436.340	-
- Ban Quản lý dự án Điện 2	4.900.603.016	-
- Công ty Nhiệt điện Cần Thơ	41.335.569	-
- Công ty nhiệt điện Mông Dương	1.821.989.718	-
- Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nah	851.133.360	-
- Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPNB)	986.318.497	-
- Tổng Công ty Phát Điện 2 - Công ty TNHH	309.150.765	-
- Công ty Phát Triển Thủy điện Sê San	505.599.160	505.599.160
- Công ty Truyền tải Điện 3 - EVN	841.345.819	1.100.296.677
Phải trả người bán	1.133.959.153	384.319.234
- Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	319.959.153	384.319.234
- Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	814.000.000	-
Người mua trả tiền trước	33.957.840.209	34.598.070.575
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	8.589.985.004	12.772.809.501
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	6.586.417.417	3.055.267.728
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	6.698.941.582	9.929.726.206
- Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	1.012.464.200	-
- CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - C	190.445.250	190.445.250
- Ban QLDA nhiệt điện 3	704.661.232	524.454.975
- Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	515.371.971	1.392.358.714
- Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	618.000.000	618.000.000
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	1.592.555.628	2.359.745.640
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh	-	244.729.545
- Ban QLDA nhiệt điện 2	24.101.177	24.101.177
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	-	413.065.000
- Ban QLDA TTĐL Ô Môn - Công ty TNHH M	92.161.685	92.161.685
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	691.500.000	691.500.000
- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	225.060.000	529.517.326
- Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	-	340.120.000
- Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (Genco 3)	-	139.462.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan (tiếp)

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước (tiếp)</i>		
Công ty CP Phát triển Điện Lực VN	100.438.263	100.438.263
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	-	139.680.000
Ban QLDA Lưới điện miền Nam	1.946.246.000	-
Ban Quản lý dự án Điện 3	545.625.000	75.000.000
Công ty CP Đầu tư Điện lực 3	139.200.000	232.000.000
Công ty TNHH MTV NMTĐ Thác Ba	246.868.800	221.279.843
Ban Quản lý dự án Điện 2	-	512.207.000
Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPNB)	3.437.797.000	-

35.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm 2020, liên quan đến gói thầu khảo sát thiết kế của Dự án Thủy điện Sông Bung 2, các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty CP Bảo hiểm Hàng Không) đã nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các nhà thầu tư vấn có liên quan đến sự cố tại hầm dẫn dòng công trình thủy điện Sông Bung 2 năm 2016 gồm Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 3 (PECC3), Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh (KHIDI) và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2) phải liên đới bồi hoàn số tiền các Công ty Bảo hiểm yêu cầu bồi thường là 6.516.225.000 đồng. Đơn khởi kiện không nêu chi tiết rõ số tiền đòi bồi hoàn của từng nhà thầu tư vấn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã gửi Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 22/9/2020 nêu sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI & PECC3, do vậy PECC3 không phải chịu trách nhiệm đối với một sản phẩm không phải là thiết kế của KHIDI & PECC3. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về lịch hòa giải và xét xử. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp này chưa bao gồm những ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến kết quả vụ kiện nêu trên.

Ngoài ra, không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

35.3 CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê nhà tại số 32 Ngô Thời Nhiệm để xây dựng Văn phòng làm việc. Theo đó, các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP.HCM căn cứ theo Hợp đồng thuê nhà số 69/HĐTN-QLKDU-KD ngày 20/3/2020 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP.HCM. Thời hạn thuê từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.3 CÁC CAM KẾT (TIẾP)

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	-	4.145.454.545
Cộng	-	4.145.454.545

35.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

35.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

35.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán. Như được nêu tại mục 32 và 33 của Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh như sau:

Chỉ tiêu Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Năm 2019 đã kiểm toán VNĐ/cổ phiếu	Năm 2019 sau điều chỉnh VNĐ/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.840	1.744
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.840	1.744



Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

